

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THA LIÊM  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 16 - 9 - 2021  
V/v Ly hôn, trả chấp về nuôi con.

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THA LIÊM - TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Lại Xuân Cảnh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Quách Xuân Luyện và bà Nguyễn Thị Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Hoàng Thị V Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ThA Liêm, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ThA Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ThA Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, trả chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị V - sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT: thôn Trung HH, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nơi ở: xóm 11, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** A Trần Văn T- sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn Trung HH, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021 và bản tự khai, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị V trình bày:* chị và A Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã ThA Hải, huyện ThA Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 23/9/2010. Sau khi kết hôn, A chị chung sống ở thôn Trung Hiếu Hạ, xã ThA Hải, huyện ThA Liêm, tỉnh Hà Nam. A chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do A Tmải chơi, ngang bướng, tính tình nóng nảy. Vợ chồng còn không hợp nhau về tính cách, lối sống; A chị sống chung cùng bố mẹ chồng nên không tránh khỏi những va chạm trong cuộc sống thường ngày. Từ những mâu thuẫn trên khiến vợ chồng thường xuyên chửi bới, xúc phạm nhau, A Tính nóng nảy, nên đã đánh chị nhiều lần. Không chịu đựng được, chị và con chung của vợ

chồng về nhà mẹ đẻ của chị ở xóm 11, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang sinh sống từ ngày 26/6/2017. Từ đó, A chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo về đoàn tụ, song không thành. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A Thành.

- Về con chung: A chị có 01 con chung là cháu Trần Tuấn A - sinh ngày 28/02/2011, cháu do chị nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Tuấn A, yêu cầu A Tcấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Tại bản tự khai ngày 02/4/2021, bị đơn - A Trần Văn Ttrình bày:* A và chị Nguyễn Thị V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã ThA Hải, huyện ThA Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 23/9/2010. Sau khi kết hôn, A chị chung sống ở thôn Trung Hiếu Hạ, xã ThA Hải được một thời gian ngắn, sau đó A chị thuê nhà ở Hà Nội để tiện công việc; thỉnh thoảng A chị có về ThA Hải vào những dịp lễ, Tết hoặc khi có việc. A chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do A không chịu khó làm ăn, khiến kinh tế vợ chồng khó khăn. Đặc biệt, khi sinh con kinh tế vợ chồng lại khó khăn hơn vì cả hai vợ chồng đều không có công việc, chỉ là lao động tự do. Vợ chồng thường xuyên xảy ra tình trạng cãi chửi nhau, sống không có hạnh phúc. Sau đó đến năm 2017, chị V và con chung của vợ chồng về nhà mẹ đẻ của chị V ở tỉnh Tuyên Quang sinh sống, còn A sống cùng bố mẹ đẻ ở thôn Trung Hiếu Hạ, xã ThA Hải, huyện ThA Liêm, tỉnh Hà Nam. Từ đó, A chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay, A xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân đã nhiều năm nay; nên A nhất trí ly hôn.

- Về con chung: A chị có 01 con chung là cháu Trần Tuấn A - sinh ngày 28/02/2011, cháu do chị V nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. A đồng ý giao cháu Tuấn A cho chị V nuôi dưỡng và A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Tại bản tự khai ngày 02/4/2021, cháu Trần Tuấn A trình bày:* nay bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng duy nhất là ở với mẹ.

\* *Xác minh tại UBND xã ThA Hải xác định:* A Trần Văn Thành và chị Nguyễn Thị V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã ThA Hải, huyện ThA Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 23/9/2010. A chị chung sống hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do A chị bất đồng quan điểm sống, A Tmải chơi, không tú tít làm ăn. Sau đó đến năm 2017, chị V và con chung của vợ chồng về nhà mẹ đẻ

của chị V ở tỉnh Tuyên Quang sinh sống, còn A Tsống cùng bố mẹ ở thôn Trung Hiếu Hạ, xã ThA Hải; từ đó A chị sống ly thân. Chính quyền, đoàn thể xã ThA Hải đã hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng A chị, song không thành do chị V và A Thành cương quyết xin ly hôn. Quan điểm của chính quyền, đoàn thể xã ThA Hải như sau: nay, chị V xin ly hôn A Thành; đề nghị Tòa án giải quyết cho A chị ly hôn theo nguyện vọng của A chị và theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị V có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải do chị ở xa, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, việc đi lại gặp nhiều khó khăn. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

**\* Tại phiên tòa:**

- A Trần Văn Txác định tình cảm vợ chồng giữa A và chị V không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho A chị ly hôn. Về con chung: A đồng ý giao con chung của A chị là cháu Trần Tuấn A - sinh ngày 28/02/2011 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 1.000.000 đồng, kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và A Trần Văn Thành. Về con chung: giao cháu Trần Tuấn A - sinh ngày 28/02/2011 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng; A Trần Văn Tcó trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 1.000.000 đồng, kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi. Về án phí: chị Trần Thị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, A Trần Văn Tphải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị V có cơ sở xác định quan hệ pháp luật trA chấp là “Ly hôn, trA chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là A Trần Văn Thiện cư trú tại xã ThA Hải, huyện ThA Liêm, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ThA Liêm.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị V và A Trần Văn Tlà tự nguyện, hợp pháp. Do A chị bất đồng quan điểm sống, A Tmải chơi không tu trí làm ăn, nên vợ chồng hay cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. A chị sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, chính quyền và đoàn thể xã ThA Hải hòa giải nhưng không thành. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị V và A Tđã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị V xin ly hôn A Tlà có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị V và A Tcó 01 con chung là cháu Trần Tuấn A - sinh ngày 28/02/2011, hiện cháu đang sống cùng với chị V. A chị đều có nguyện vọng giao cháu Tuấn A cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, A Tcó trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 1.000.000 đồng, kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi. Bản thân cháu Tuấn A cũng có nguyện vọng được ở với chị V. Xét thấy, nguyện vọng của chị V và A Tlà phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, A Trần Văn Tphải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 147, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và A Trần Văn Thành.

2. Về con chung: giao cháu Trần Tuấn A - sinh ngày 28/02/2011 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng; A Trần Văn Tcó trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 1.000.000 đồng, kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

**3. Án phí:** chị Nguyễn Thị V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000080 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ThA Liêm. A Trần Văn Tphải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

**4. Quyền kháng cáo đối với bản án:** các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện ThA Liêm;
- Chi cục THADS huyện ThA Liêm;
- UBND xã ThA Hải, huyện ThA Liêm;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Lại Xuân Cảnh**